

**THƯỜNG THỨC TÔN GIÁO**

*Di Lạc Tôn Phật*

MỘNG ĐẮC<sup>(\*)</sup>

**H**àng năm, cứ đến mùa xuân hoa nở tung bừng trong các chùa chiền, tự viện thường thấy giảng những tấm băng rôn đề dòng chữ: “Mừng xuân Di Lạc”. Trên sách báo của Phật giáo cũng thấy đưa câu đối này lên trên trang bìa một cách trân trọng.

Nhiều người không phải tín đồ Phật giáo lấy làm lạ, không hiểu vì sao lại có một mùa xuân mang tên một vị Phật. Hỏi ra mới hay, theo kinh điển của Phật giáo thì ngày mồng một tháng Giêng âm lịch, tức mồng một tết Nguyên đán, là ngày vía của Di Lạc, nên Phật giáo mới kính mừng ngày này để mở đầu cho một mùa xuân, một năm mới với ước nguyện được nương uy đức và đạo hạnh của một bậc vô thượng sư mà tu học theo chính pháp, đem đạo hòa vào đời sống hằng ngày .

Phật Di Lạc, gọi cung kính hơn là Di Lạc Tôn Phật, là một hình tượng quen thuộc trong tín ngưỡng dân gian đã quá quen thuộc với mọi người. Đó là một vị sư to béo đầy đà, mặc áo không cúc, thường ngồi chễm chệ, phanh ngực, hoặc đứng hiên ngang, như khoe cái bụng to tròn, mặt mày rạng rỡ. Đặc biệt là nụ cười hớn hở luôn nở trên môi, khiến cho mọi người đều cảm thấy hoan hỉ, vui thích, có cảm tưởng như lúc nào cũng nghe được tiếng cười ha hả, vang động của ông. Đó là nụ cười từ bi, hỉ xả, vô cùng cao quý, có thể làm tiêu tan mọi hận thù, oán ghét, làm lu

mờ mọi khổ đau, phiền não, diệt trừ hết ma vương quỷ dữ trong dạ con người. Theo kinh sách thì Phật Di Lạc xuất thân trong một gia đình Bàlamôn giáo, dòng quý tộc ở thôn Kiếp Ba Lợi, nước Ba La Nại (Nam Thiên Trúc thuộc Ấn Độ cổ đại), có hiệu là A Dật Đa (Adjita) nghĩa là “Vô Năng Thắng” (Không gì có thể thắng nổi). Di Lạc là tiếng phiên âm từ Phạn ngữ Maitreya Bodhisattra, nghĩa là “Từ Thị” (người có lòng từ bi) hoặc “Từ Bi”. Ngài và Phật Thích Ca là người cùng thời. Ngài theo Đức Thích Ca xuất gia, tu tập chánh pháp và trở thành đệ tử của Phật. Sau ngài nhập diệt vào ngày mồng một tháng Giêng lịch âm, trước Phật Thích Ca.

Tín ngưỡng Phật Di Lạc đã được lưu hành rất sớm ở Trung Hoa theo dòng Phật giáo Đại thừa, mà sau này truyền bá vào nước ta, ảnh hưởng rất sâu đậm. Đời Tây Tần đã có tranh vẽ tượng Phật Di Lạc (còn lưu được ở chùa Bình Linh, tỉnh Cam Túc). Còn tượng Phật Di Lạc trước đời Tống, đời Ngũ Đại thì có hai loại hình tượng Phật Di Lạc là: Di Lạc Bồ Tát (do dựa theo kinh “Di Lạc thượng sinh”) mặc y phẩm Bồ Tát, giảng kinh cho Chư Thiên ở cung trời Đâu Suất) và Di Lạc Như Lai (dựa theo kinh “Di Lạc hạ sinh”) sau khi hạ sinh thành Phật, hình tượng không khác mấy so với Phật Thích Ca.

\*. Nhà nghiên cứu, Thành phố Ninh Bình.

Phật Di Lạc - vị Phật của tương lai - vào thời ấy thường được mô tả không khác các vị Bồ Tát khác, chỉ khác ở vương niệm ngài có phù đồ, và trên tay ngài có cầm bình nước. Trong suốt thời kì thành lập của Phật giáo Trung Hoa, Phật Di Lạc được mô tả ngồi trên một chiếc ghế hoặc một ngai vua với chân bắt chéo, hoặc chân trái buông xuống, tay phải chống cằm như đang suy nghĩ về tương lai.

Cho đến sau đời Ngũ Đại, trong dân gian mới xuất hiện thêm một hình tượng Phật Di Lạc độc nhất vô nhị có miệng cười rạn rở, hồn nhiên, sau lưng quấy bị vải gai, hiển hiện tính tình rộng rãi, cởi mở, rong ruổi khắp nơi. Đó là hình tượng Phật Di Lạc chúng ta thường thấy ngày nay trong những tranh tượng, kinh sách ở các tự viện của Phật giáo, được gọi là “Tiểu Khẩu Di Lạc Phật” một hình tượng mà các nhà nghiên cứu Phương Tây đã tấm tắc gật gù cho rằng “một biến đổi độc đáo trong sáng tạo gậy kinh ngạc” hay “một sự biến thái kì diệu hoàn toàn của người Trung Hoa”.

Tiểu Khẩu Di Lạc Phật, dân gian còn gọi là “Tiểu Phật” hay “Di Lạc Phật bụng phệ” đã xuất hiện hàng loạt tại các tự viện ở tỉnh Triết Giang (Trung Hoa) sau thời Ngũ Đại, do nghệ nhân tạo hình tượng theo tướng mạo của một vị Hòa thượng có tên là Khế (Khiết) Thủ. Hòa thượng Khế Thủ là người ở vùng Minh Châu (Triết Giang), hiệu là Trường Đình Tử thường hay chống tích trượng, trên trượng có quấy một túi vải gai, ngao du khắp nơi hành khất và thuyết pháp, mọi thứ xin được đều bỏ vào túi vải, nên người đời bấy giờ gọi ông là Bồ Đại Hòa Thượng (Hòa thượng túi vải).

Theo truyền thuyết thì Bồ Đại Hòa Thượng có thân hình béo tốt, y phục tùy tiện, cử chỉ ngôn ngữ lẫn hành vi đều không câu nệ tiểu tiết, có tài dự đoán được lành dữ, biết trước nắng mưa, gió

bão rất linh nghiệm, thần bí khôn lường. Năm Trinh Minh thứ 2, đời Hậu Lương (916), Bồ Đại Hòa Thượng ngồi trên một tảng đá ở Nhạc Lâm tự mà nhập tịch, để lại một bài kệ rằng:

“Di Lạc đúng Di Lạc

Phân thân ra muôn vàn

Mọi lúc đi dạy người đời

Mà người đời không tự biết”

Dựa vào bài kệ đó mà người ta cho rằng Hòa thượng Khế Thủ chính là Phật Di Lạc hóa thân chuyển thế, bèn an táng nhục thân của ông tại một nơi cách Nhạc Lâm Tự hai dặm về phía tây, lập tháp thờ phụng đặt tên là “Am Di Lạc”, xây gác, đắp tượng... Dần dần sau đó, tượng Bồ Đại Hòa Thượng lưu hành khắp nơi với bụng lớn, miệng cười tươi rói, đầy lạc quan, khi ngồi với năm đứa bé quanh mình tạo nên hình tượng “Ngũ tử quấy Di Lạc”, hoặc ngồi với sáu đứa trẻ leo trèo tượng trưng cho “Lục Tặc - Lục Căn” đã được giáo hóa. Theo thời gian, hình tượng của ngài biến hóa ngày càng sinh động.

Tượng ông Thần Tài ngày nay cũng có tướng mạo mang dáng dấp “nhái” chẳng khác gì Bồ Đại Hòa Thượng, với tay nâng và tung lên những nén vàng lấp lánh, biểu hiện cho sự phồn vinh phú quý, khiến nhiều người rất dễ nhầm lẫn với hình tượng của Phật Di Lạc.

Trên điện Di Lạc trong một ngôi đại tự ở Bắc Kinh, ngày nay con treo một câu đối xứng tán Tiểu Khẩu Di Lạc rất tuyệt diệu:

“Đại đồ màng dung, dung thế gian nan dung chi sự

Hàm nhai vi tiểu, tiểu thế gian nan tiểu chi nhân”

Nghĩa là: Cái bụng lớn có thể dung chứa những việc mà người đời không dung chứa được. Miệng nở nụ cười tươi với những điều mà người đời khó có thể cười được./.